|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 16/2020/NQ-HĐND | *Hải Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2020* |

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên,  
vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao  
trên địa bàn tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chỉnh quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đôi, bô sung một sô điều của Luật tố chức Chỉnh phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 thảng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 thảng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định về một so chế độ đoi với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư sỗ 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chỉnh quy định chỉ tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thế thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/201Ư1TLT-BTC-B VHTTDL ngày 30 thảng 12 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ Trưởng Bộ Vãn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chỉ tiêu tài chỉnh đoi với các giải thỉ đâu thê thao;

Xét Tờ trình sổ 94/TTr-ƯBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chế độ, chỉnh sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chỉ tiêu tài chính đôi với các giải thề thao; báo cảo thâm tra của Ban văn hóa — xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối vói các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Tồ chức thực hiện

1. Giao ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thòi điểm áp dụng: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
2. Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 29/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2021. Các chính sách trong Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận :   * *Ủy ban Thường vụ Quốc hội;* * *Thủ tướng Chính phủ;* * *Bộ Tài chính;* * *Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;* * *Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);* * *Ban Công tác đại biểu;* * *Ban Thường vụ Tỉnh ủy;* * *Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;* * *Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;* * *Các vị đại biểu HĐND tỉnh;* * *Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;* * *Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;* * *Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;* * *Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP, TX;* * *Báo Hải Dương, Trang TTĐT HĐND tỉnh;* * *Trung tâm CNTT - VP UBND tính;* * *Lưu: VT.* | CHỦ TỊCH  **Nguyễn Mạnh Hiển** |

QUY ĐỊNH

Một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu  
tàỉ chính đốỉ với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hải Dưong

(Ban hành kèm theo Nghị quyết sổ 16/2020/NQ-HĐND  
ngày 24 thảng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chưong 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ, chính sách đối vói huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối vói các giải thể thao, gồm:

1. Đội tuyển tỉnh.
2. Đội tuyển trẻ tỉnh.
3. Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, giải thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh.
4. Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện, ngành; giải thể thao cấp huyện, ngành và cấp C0T sở.

Điều 1. ồối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang đào tạo, huấn luyện tại Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh.
2. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang làm nhiệm vụ tập luyện, tập huấn, thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thể dục thể thao năm 2018.
3. Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng và giải thể thao các cấp.
4. Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các ừận đấu; công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ; các lực lượng đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Thời gian tính chi trả chế độ tiền công, khen thưởng và các chế độ khác cho huấn luyện viên, vận động viên, các tổ chức, cá nhân liên quan tại quy định này được tính theo quyết định triệu tập, hợp đồng của cấp có thẩm quyền.

Chưong 2

QUY ĐỊNH CỤ THẺ

Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện thường xuyên bao gồm:

1. Thời gian tập luyện, huấn luyện ở trong nước: Là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập luyện, huân luyện thường xuyên theo quyết định của cấp có thẩm quyên; mức chi cụ thê như sau:

*Đơn vị tính: Đồng/người/ngày*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Đội tuyển | Mửc ăn hàng ngày |
| 1 | Đội tuyển tỉnh | 220.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ tỉnh | 175.000 |

2. Tập luyện, huấn luyện ở nước ngoài: Là số ngày thực tế theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền trên cơ sở thư mời hoặc họp đồng ký kết giữa cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thể thao ở trong nước với nước ngoài. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên cân đối trong khuôn khổ dự toán ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp thể dục thể thao được cấp có thẩm quyền thông báo đầu năm. Trong thời gian tập luyện ở nước ngoài, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. **Chế** độ thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng

Vận động viên thê thao của tỉnh Hải Dương được hưởng chê độ thuôc bô tăng lực và thực phẩm chức năng theo tính chất đặc thù của từng môn thi đấu. Cụ thể:

1. Vận động viên đội tuyển của tỉnh: 3.000.000 đồng/vận động viên/năm.
2. Vận động viên đội tuyển của tỉnh tham gia Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc: 5.000.000 đồng/vận động viên/tháng, thời gian hưởng 03 tháng/vận động viên/ năm.

Điều 6. Thưỏ’ng đột xuất (tại chỗ) cho các huấn luyện viên, **vận động** viên đạt thành tích huy chương vàng tại các kỳ Đại hội Thể dục **thể thao** toàn quốc

1. Đối với huấn luyện viên: 10.000.000 đồng/huy chương vàng.
2. Đối với vận động viên: 15.000.000 đồng/huy chương vàng.

Điều 7. Vận động viên đạt một trong các nội dung sau (hẫ trợ cho 1 nội dung vận động viên đạt được thành tích cao nhất): Huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia, đạt huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao Đông Nam Á (Seagame), vô địch Đông Nam Á trở lên, được hỗ trợ thêm theo ngày thực tế tập luyện, thời gian duy trì trong hai năm {24 thảng) kể từ sau khi có quyết định hoặc giấy chứng nhận thành tích. Cụ thể: 150.000 đồng/vận động viên/ngày.

Điều 8. Thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên tại giải **quốc gia,**

Ấ \*

quôc tê

1. Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, Châu Á, Đông Nam Á, Quốc gia được hưởng mức thưởng bằng tiền như sau:

Đơn vị tỉnh: Triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên cuôc thi • | HCV | HCB | HCĐ | Phá kỷ  luc  • |
| I | Đai hôi thể thao • • |  |  |  |  |
| 1 | Đại hội Olympic | 75 | 45 | 30 | 45 |
| 2 | Đại hội thể thao châu Á | 45 | 30 | 25 | 40 |
| 3 | Đại hội thể thao Đông Nam Á | 30 | 25 | 15 | 30 |
| 4 | Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc | 30 | 25 | 15 | 20 |
| n | Giải vô địch thế giới từng môn |  |  |  |  |
| 1 | Nhóm I | 45 | 30 | 25 | 40 |
| 2 | Nhóm II | 40 | 25 | 22 | 30 |
| 3 | Nhóm III | 35 | 22 | 20 | 20 |
| ra | Giải vô địch châu Á từng môn |  |  |  |  |
| 1 | Nhóm I | 30 | 25 | 15 | 30 |
| 2 | Nhóm II | 27 | 22 | 13 | 20 |
| 3 | Nhóm ra | 25 | 20 | 10 | 15 |
| IV | Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao |  |  |  |  |
| 1 | Nhóm I | 25 | 15 | 10 | 20 |
| 2 | Nhóm II | 22 | 13 | 8 | 15 |
| 3 | Nhóm m | 20 | 10 | 7 | 10 |
| V | Giải vô địch quốc gia từng môn thể  thao |  |  |  |  |
| 1 | Nhóm I | 25 | 15 | 10 | 20 |
| 2 | Nhóm II | 22 | 13 | 8 | 15 |
| 3 | Nhóm III | 20 | 10 | 7 | 10 |

Môn thể thao nhóm I, nhóm II, nhóm III quy định trên cơ sở các môn thể thao được đưa vào chương trình thi đấu Olympic, Đại hội thể thao châu Á và các giải thi đấu thể thao quốc tế khác.

2. Vận động viên lập thành tích tại các giải cúp thế giới, cúp Châu Á và cúp Đông Nam Á; giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới; các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch ừẻ châu Á, Đông Nam Á, cúp quốc gia, xuất sắc toàn quốc,vô địch trẻ toàn quốc, học sinh, sinh viên được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng dành cho đại hội, giải vô địch của môn thể thao tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

1. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới, trẻ châu Á, trẻ Đông Nam Á, trẻ quốc gia có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:
2. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này;
3. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này;
4. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuồi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này;
5. Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuồi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.
6. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đôi, tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.
7. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao được hưởng mức thưởng như sau:
8. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đôi với vận động viên;
9. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích ừong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối vói vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên;
10. Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.
11. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 9. Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao

1. Tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, giải thể thao cấp tĩnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh

1. Tiền ăn của Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn ừọng tài và 01 ngày sau thi đẩu): 150.000 đồng/ngưòi/ngày.
2. Tiền làm nhiệm vụ

Đơn vị: đồng/người/buổi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Đối tượng hưởng | Mửc chi |
| 1 | Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn | 95.000 |
| 2 | Thành viên tiểu ban chuyên môn | 70.000 |
| 3 | Giám sát, trọng tài chính | 70.000 |
| 4 | Thư ký, trọng tài khác | 60.000 |
| 5 | Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ | 50.000 |

1. Trường họp tiền làm nhiệm vụ được tính theo buổi thi đấu hoặc trận thi đấu thì mức thanh toắh được tính theo thực tế nhưng không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày. '\* kị \

*ề* J ' */y 'ỳ\‘~* '• ^

1. Đối với các dối tượng thuộc diện hưởng lương từ Ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ dp tiềậ ăn trong thòi gian tham dự giải thi đấu thể thao của tỉnh thì không đượơ .thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

2. Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối vói Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đồng cấp tỉnh

a) Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Căn cứ theo họp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh với các cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật.

b) Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ

*Đom vị: đồng/người/buổi*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Đối tượng hưởng | Mửc chi |
| 1 | Người tham gia tập luyện | 35.000 |
| 2 | Người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi) | 45.000 |
| 3 | Người tham gia biểu diễn chính thức | 80.000 |
| 4 | Giáo viên quản lý, hướng dẫn | 70.000 |

3. Tại Đại hội Thể dục thể thao cấp huyện, ngành; giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở

Mức chi đối với đại hội thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức tùy theo điều kiện kinh phí của cấp huyện, ngành và cơ sở nhưng không vượt quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp huyện, ngành và không vượt quá 50% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp cơ sở.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước:
2. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao cấp tỉnh được bố trí trong dự toán của sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch hằng năm.
3. Nguồn kinh phí thực hiện chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao cấp huyện, ngành và cấp cơ sở được bố trí trong dự toán ngân sách cùng cấp theo hạn mức hàng năm.
4. Khuyến khích các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan khai thác các nguồn thu họp pháp khác để bổ sung thêm chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viền thể thao./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | CHỦ TỊCH  **Nguyễn Mạnh Hiển** |